

Số: *02* /QB-BTTTT

Hà Nội, ngày *05* tháng *01* năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc chỉ định tổ chức thử nghiệm**

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007;*

*Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; và Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Chỉ định Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông thực hiện việc thử nghiệm với phạm vi được chỉ định kèm theo.

**Điều 2.** Thời hạn hiệu lực của Quyết định này là 03 (ba) năm kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Tổ chức thử nghiệm có trách nhiệm thực hiện việc thử nghiệm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu, phải tuân thủ các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chịu hoàn toàn trách nhiệm về kết quả đánh giá sự phù hợp do đơn vị mình thực hiện.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, tổ chức thử nghiệm có tên tại Điều 1 và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Tâm;
- Trung tâm Thông tin (để ph/h);
- Các Tổ chức kiểm định (để th/hiện);
- Bộ KHCN, Tổng cục TĐC (để biết);
- Lưu: VT, KHCN (12).

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Phan Tâm**

## PHẠM VI ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(kèm theo Quyết định số 02 /QĐ-BTTTT ngày 05 tháng 01 năm 2021  
của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

### 1. Thông tin về tổ chức thử nghiệm:

#### Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện thuộc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

Quy chế về tổ chức và hoạt động của Viện Khoa học Kỹ thuật Bưu điện được quy định tại Quyết định số 674/QĐ-HV ngày 25/07/2016 của Giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông.

Địa chỉ: Số 122 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

### 2. Phạm vi được chỉ định:

TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
<b>I</b>	<b>Sản phẩm, thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin</b>	
1	Sản phẩm, thiết bị viễn thông và công nghệ thông tin	QCVN 22: 2010/BTTTT QCVN 42: 2011/BTTTT <sup>(1)</sup> QCVN 43: 2011/BTTTT <sup>(2)</sup> QCVN 47: 2015/BTTTT <sup>(3)</sup> QCVN 54: 2011/BTTTT <sup>(4)</sup> QCVN 54: 2020/BTTTT <sup>(4)</sup> QCVN 65: 2013/BTTTT <sup>(5)</sup> QCVN 73: 2013/BTTTT <sup>(6)</sup> QCVN 74: 2013/BTTTT <sup>(7)</sup> QCVN 74: 2020/BTTTT <sup>(7)</sup> TCVN 8238: 2009 <sup>(8)</sup> TCVN 8665: 2011 <sup>(9)</sup> TCVN 8696: 2011 <sup>(10)</sup> TCVN 8697: 2011 <sup>(11)</sup> TCVN 8698: 2011 <sup>(12)</sup> TCVN 10296: 2014 <sup>(13)</sup> TCVN 8687:2011 <sup>(14)</sup> TCVN 11298-1:2016 <sup>(15)</sup> IEC 61643-11:2011 IEC 61643-21 UL 1449 ANSI/IEEE C62.41
<b>II</b>	<b>Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và truyền thông</b>	
2	Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất	QCVN 34: 2019/BTTTT <sup>(16)</sup>
3	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất	QCVN 35: 2019/BTTTT <sup>(17)</sup>
4	Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất	QCVN 36: 2015/BTTTT <sup>(18)</sup>
5	Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông	QCVN 81: 2019/BTTTT <sup>(19)</sup>

10



TT	Tên sản phẩm, hàng hóa	Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
	di động mặt đất IMT-2000	
6	Dịch vụ tin nhắn ngắn trên mạng viễn thông di động mặt đất	QCVN 82: 2014/BTTTT
7	Dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng	QCVN 84: 2014/BTTTT <sup>(20)</sup>
<b>III</b>	<b>Thiết bị viễn thông và đài vô tuyến điện</b>	
8	Đài phát thanh, đài truyền hình, trạm truyền dẫn vi ba, trạm mặt đất thông tin vệ tinh	QCVN 9:2016/BTTTT QCVN 32:2011/BTTTT QCVN 32:2020/BTTTT TCVN 8071:2009
9	Trạm gốc điện thoại di động mặt đất công cộng (BTS)	QCVN 8:2010/BTTTT QCVN 9:2016/BTTTT QCVN 32:2011/BTTTT QCVN 32:2020/BTTTT TCVN 8071:2009
10	Trung tâm dữ liệu, công trình viễn thông	QCVN 9:2016/BTTTT QCVN 32:2011/BTTTT QCVN 32:2020/BTTTT TCVN 8071:2009 TCVN 9250:2012

**Ghi chú:**

- <sup>(1)</sup> Chỉ áp dụng các phép đo dẫn của QCVN 42:2011/BTTTT;
- <sup>(2)</sup> Chỉ áp dụng các phép đo dẫn của QCVN 43:2011/BTTTT;
- <sup>(3)</sup> Chỉ áp dụng đối với các thiết bị có tần số hoạt động đến 13,5GHz của QCVN 47:2015/BTTTT;
- <sup>(4)</sup> Chỉ áp dụng các phép đo dẫn của QCVN 54:2011/BTTTT; QCVN 54:2020/BTTTT;
- <sup>(5)</sup> Chỉ áp dụng các phép đo dẫn của QCVN 65:2013/BTTTT;
- <sup>(6)</sup> Chỉ áp dụng các phép đo dẫn của QCVN 73:2013/BTTTT;
- <sup>(7)</sup> Chỉ áp dụng các phép đo dẫn của QCVN 74:2013/BTTTT; QCVN 74:2020/BTTTT;
- <sup>(8)</sup> Chỉ áp dụng mục 3.2, 3.3.1, 3.3.2, 3.4 của TCVN 8238:2009;
- <sup>(9)</sup> Chỉ áp dụng mục 4.1.7, 4.1.8, 4.1.9, 4.2.6, 4.2.7, 4.2.8, 4.2.9 của TCVN 8665:2011;
- <sup>(10)</sup> Chỉ áp dụng mục 5.1.5, 5.1.6, 5.1.7, 5.1.9, 5.2.5, 5.2.6, 5.2.7 của TCVN 8696:2011;
- <sup>(11)</sup> Chỉ áp dụng mục 3.2.7, 3.4, 3.5, 3.6 của TCVN 8697:2011;
- <sup>(12)</sup> Chỉ áp dụng từ mục 5.1.10 đến 5.1.18, từ mục 5.1.20 đến 5.1.22, từ mục 5.2.4 đến 5.2.6, từ mục 6.1.1 đến 6.1.5 của TCVN 8698:2011;
- <sup>(13)</sup> Chỉ áp dụng mục 3.2.3 (1 đến 5, 7, 10, 11) của TCVN 10296: 2014;
- <sup>(14)</sup> Không áp dụng mục 5.3 của TCVN 8687:2011;
- <sup>(15)</sup> Không áp dụng mục 4.4, 4.5 của TCVN 11298-1:2016;
- <sup>(16)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 34: 2019/BTTTT;
- <sup>(17)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 35: 2019/BTTTT;
- <sup>(18)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 36: 2015/BTTTT;
- <sup>(19)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 81:2019/BTTTT;
- <sup>(20)</sup> Chỉ áp dụng các chỉ tiêu kỹ thuật của QCVN 84:2014/BTTTT.